TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HSST
Ngày: 27-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH B

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến

2. Ông Văn Phú Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 tại tỉnh B. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ D, ấp N, xã X, huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1953 và bà Ngô Thị Kim L1, sinh năm 1958 (chết); có vợ là Hoàng Thị Kim N, sinh năm 1990, có 03 người con (lớn nhất 14 tuổi, nhỏ nhất 2 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại. Có mặt

Bị hại: Chị Nguyễn Thanh T1 (tên gọi khác là M), sinh ngày 21/4/2004. Trú tại: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh B. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt

Người làm chứng: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ B, ấp N, xã X, huyện X, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2022, chị Nguyễn Thanh T1 đến nhà chị Trần Thị Bích H ở ấp N, xã X, huyện X, tỉnh B chơi và để điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, màu đen gắn sim số 0974.319.652 trên võng phía trước nhà rồi vào phòng làm việc nhà. Khoảng 18 giờ cùng ngày Nguyễn Văn T chạy xe mô tô hiệu Honda, loại AIR BLADE, biển số 72G1-750.07 đến tìm bà H nhưng không thấy, T đi ra phía trước hiên nhà thì phát hiện trên võng có 01 điện thoại nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, T lấy điện thoại bỏ vào túi rồi điều khiển xe chạy về nhà. Trên đường về, T tháo sim vứt bỏ rồi cất giấu điện thoại vào cốp xe, đến nhà T bỏ điện trên bàn thờ. Sau khi phát hiện mất điện thoại, bà H nghi T nên yêu cầu T trả điện thoại nhưng T không Thừa nhận mà đưa điện thoại hiệu OPPO A3S của T cho bà H giữ, bà H đưa điện thoại của T cho chị T1 nhưng chị T1 không nhận. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến nhà bà H đòi lại điện thoại của mình nhưng bà H giữ lại và báo Công an. Qua làm việc T thừa nhận lấy điện thoại của chị T1 và tự nguyện giao lại cho chị T1.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của mình và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"

Về kết luận định giá tài sản: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 28/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X thì giá trị chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8 là 6.906.500đ (bút lục số 34).

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8 đã trả lại cho chị T1.

Về bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô biển số 72G1-750.07; Kiểm sát viên đề nghị trả lại chiếc xe mô tô biển số 72G1-750.07 cho bị cáo, vì chiếc xe này chưa thuộc quyền sở hữu của bị cáo, do trả góp chưa xong.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKS, ngày 23-6-2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm i, s, h khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 06 đến 24 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo cám ơn Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử; bị cáo xin trả lại chiếc xe cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 18 giờ ngày 06/12/2022, bị cáo T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8, màu đen có gắn sim số 0974.319.652 của chị Nguyễn Thanh T1 tại ấp N, xã X, huyện X, tỉnh B trị giá 6.906.500 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo. Giao bị cáo cho địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là đủ răn đe, giáo dục.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người làm thuê, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm s, i, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự và không xử phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Trả lại chiếc xe mô tô biển số 72G1-750.07 cho bị cáo, vì tài sản chưa thuộc quyền sở hữu của bị cáo.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô biển số 72G1-750.07 là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày 27/7/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô hiệu HONDA, loại AIR BLADE, biển số 72G1-750.07, số máy JF94E0211257, số khung RLHJF633LZ106343.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 64/BB ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X)

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển